

V/v tranh chấp xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 30 tháng 6 năm 2023, Đơn trình bày ngày 13 tháng 7 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Hoàng Minh T1 kết hôn năm 2011; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 02 tháng 12 năm 2011. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông T1 phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống từ năm 2016. Năm 2019, bà và ông Trương Văn M có quan hệ tình cảm và có chung 02 (Hai) con là Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 (*theo Giấy khai sinh số 256; đăng ký khai sinh ngày 31 tháng 5 năm 2021; nơi đăng ký: Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; mục họ, tên cha để trống*) và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022 (*Theo Giấy chứng sinh số 0000054, quyển số 01, cấp ngày 27 tháng 3 năm 2022, nơi cấp: Trung tâm y tế quận L*). Ngày 13 tháng 3 năm 2023, ông M đã yêu cầu Công Cổ phần Y tế V1 xét nghiệm ADN. Ngày 16 tháng 3 năm 2023, Công Cổ phần Y tế V1 có 02 Kết quả xét nghiệm ADN kết luận: Ông Trương Văn M có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến là Nguyễn Trương Hữu P và Trương Hữu A.

Bà và Ông Hoàng Minh T1 đã được Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2023/QĐST ngày 12 tháng 6 năm 2023. Khi ly hôn, bà không đề cập đến các con Nguyễn Trương Hữu P và Trương Hữu A.

Hiện nay, bà và ông M đang chung sống cùng các con, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Bà yêu cầu Tòa án xác định ông Trương Văn M là cha của con Nguyễn Trương Hữu P và con có tên dự kiến là Trương Hữu A.

* Tại Đơn trình bày ngày 15 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa, bị đơn - ông Trương Văn M trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 9 năm 2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Hoàng Minh T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông và trình bày không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ các điều 88, 101

và 102 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, xác định ông Hoàng Minh T1 là cha của con Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp về xác định cha cho con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Hoàng Minh T1 vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Hoàng Minh T1 kết hôn vào năm 2011; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trong thời kỳ hôn nhân với ông T1, bà T đã sinh 02 con là Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 theo Giấy khai sinh số 256; đăng ký khai sinh ngày 31 tháng 5 năm 2021; nơi đăng ký: Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Mục họ, tên cha để trống*) và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022 theo Giấy chứng sinh số 0000054, quyển số 01, cấp ngày 27 tháng 3 năm 2022, nơi cấp: Trung tâm y tế quận L.

Theo lời trình bày của bà T, được ông Trương Văn M thừa nhận: Bà T và ông M có quan hệ tình cảm và có chung 02 con là Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022. Ông Hoàng Minh T1 không có ý kiến phản đối.

Tại Kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thì các cháu Nguyễn Trương Hữu P và Trương Hữu A là con đẻ của bà Nguyễn Thị Minh T với ông Trương Văn M.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, phù hợp với Kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, xác định ông Trương Văn M là cha của con Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trương Văn M phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi phí giám định ADN 16.184.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm tám mươi bốn ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Minh T tự nguyện chịu (*Đã nộp và chi xong*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 88, 101 và 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, khoản 1 Điều 228, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Trương Văn M về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Xác định ông Trương Văn M - sinh năm 1989, Căn cước công dân số 048089002315 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021, là cha của con Nguyễn Trương Hữu P - sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 theo Giấy khai sinh số 256; đăng ký khai sinh ngày 31 tháng 5 năm 2021; nơi đăng ký: Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng và con có tên dự kiến là Trương Hữu A - sinh ngày 27 tháng 3 năm 2022 theo Giấy chứng sinh số 0000054, quyền số 01, cấp ngày 27 tháng 3 năm 2022, nơi cấp: Trung tâm y tế quận L.

Bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Văn M có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cải chính hộ tịch cho con theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Trương Văn M phải chịu.

Chi phí giám định ADN 16.184.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm tám mươi bốn ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Minh T tự nguyện chịu (*Đã nộp và chi xong*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. Quận Liên Chiểu;
- UBND. Hoà Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bản biên bản

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh T2

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Nguyễn Thị Thanh B

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh T3 - sinh năm 1983, (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T4 - sinh năm 1984; (Vắng mặt, không có lý do).

Cùng nơi cư trú: 02 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- ý kiến của ông Nguyễn Văn C:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T3 đối với ông Nguyễn Minh T4 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T3 được ly hôn với ông T4.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao hai con chung Nguyễn Minh K - sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Mai Quỳnh V - Sinh ngày 07 tháng 11 năm 2017 cho bà T3 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Ông T4 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà T3 xác định bà và ông T4 không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C.

- ý kiến của Thêm phần - Chủ tọa phiên tòa: Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

* Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- ý kiÕn của ThÈm ph₃n - Chñ tãa phiªn tËa: ®ång ý vớ
ý kiÕn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

3. Về án phí:

 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Mai Thị Thanh T3 phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0007807 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T3 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- ý kiÕn của ThÈm ph₃n - Chñ tãa phiªn tËa: ®ång ý vớ
ý kiÕn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

4. VỎ C, C VÊN $\hat{\mathbb{R}}$ Ở KH, C:

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Tr-êng híp b7n ,n 8-íc thi hính theo quy 8Pnh t'i 8i8u 2
Lu8t Thi hính ,n d8n sù thx ng-8i 8-íc thi hính ,n d8n sù, ng-8i
ph8i thi hính ,n d8n sù cã quy8n tháa thu8n thi hính ,n, quy8n

yêu cầu thi hành, từ nguyên thi hành, hoặc bỏ c-ình chỗ thi hành, theo quy Định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành, đơn sù; thời hiệu thi hành, -ic thực hiện theo quy Định tại Điều 30 Luật thi hành, đơn sù.

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C.

- ý kiến của Thêm ph, - Chỗ tọa phiên tòa: Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

** Kết quả biểu quyết: 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

